

Số: 127-QĐ/HĐQT

Lệ Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty cổ phần Lệ Ninh**


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 03 năm 2017;
- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Lệ Ninh (Có bản quy chế kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty, các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, cổ đông và người lao động Công ty cổ phần Lệ Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận: 

- Như điều 2;

- Lưu VT, TKCty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

-----o0o-----

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐQT ngày 12/ 7/ 2021 của Hội đồng quản trị)

Quảng Bình, năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo	1
Điều 3. Các chữ viết tắt	1
Điều 4. Giải thích thuật ngữ	2
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	3
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	4
CHƯƠNG 2 – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....	5
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG 3 – TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	6
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp và thực hiện CBTT của các phòng ban liên quan....	6
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	6
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	7
CHƯƠNG 4 – TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7
Điều 12. Điều khoản thi hành.....	7
Điều 13. Sửa đổi, bổ sung	7
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN.....	8
PHỤ LỤC 1.1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG KẾ TOÁN- THỐNG KÊ.....	14
PHỤ LỤC 1.3: PHÒNG BAN LIÊN QUAN.....	16
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	19



CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Người công bố thông tin.
- b. Các bộ phận liên quan gồm: Bộ phận Tài chính kế toán, Phòng ban liên quan, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty.
- c. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 03 năm 2017;
- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

Công ty	Công ty cổ phần Lệ Ninh
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IDS PLUS	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
SGDCKHN/ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CIMS	Hệ thống công bố thông tin của HNX
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	Thị trường Chứng khoán Việt Nam

CBTT	Công bố thông tin
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
KTT	Kế toán trưởng
BCTC	Báo cáo tài chính
CĐL	Cổ đông lớn
CPQ	Cổ phiếu quỹ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CTĐC	Công ty đại chúng
ĐKGD	Đăng ký giao dịch
NNB	Người nội bộ
NCLQ	Người có liên quan
CTĐC QML	Công ty đại chúng quy mô lớn
CTĐC ĐKGD	Công ty đại chúng đăng ký giao dịch UPCoM

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. *Người nội bộ* của công ty đại chúng là:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Thành viên Hội đồng Quản trị;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Thành viên Ban Kiểm soát / Kiểm soát viên;

- Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Kế toán trưởng;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Người được ủy quyền công bố thông tin;
- Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty.

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK Hà Nội; hoặc ngày UBCKNN, SGDCK Hà Nội nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin - tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a) Văn bản của cá nhân: Có họ tên và chữ ký của cá nhân.

b) Văn bản của tổ chức: Có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng để công bố thông tin (CBTT) phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng để CBTT là dữ liệu có định dạng Word/Excel/PDF (với Word/Excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành, trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

8. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

9. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Công ty và người nội bộ của Công ty;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

10. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán (bao gồm công ty đại chúng quy mô lớn, công ty đại chúng đăng ký giao dịch, tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư và các công ty quản lý quỹ) là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố rõ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân, bao gồm: Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy chế này và đối tượng công bố thông tin không được phép công khai các thông tin này, thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân; 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân. Các cơ quan trên sẽ thực hiện việc công khai thông tin theo đúng quy định.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên website chính thức của công ty (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN - IDS Pro
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có)	Ví dụ: Website của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
5	Báo in, báo điện tử, v.v.	Theo quy định của pháp luật

(*) Lưu ý:

- Nếu nghỉ vụ công bố thông tin rơi vào ngày nghỉ/lễ, Công ty vẫn phải thực hiện công bố trên chuyên mục Quan hệ cổ đông trong ngày đó. Các nội dung khác có thể thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp.

- Việc lập hoặc thay đổi địa chỉ website của Công ty phải được báo cáo cho UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 03 ngày làm việc.

- Trang thông tin điện tử cần công khai các nội dung: ngành nghề kinh doanh, Điều lệ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế HĐQT, Ban Kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), và các thông tin CBTT khác theo luật định.

- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu phải được lưu trữ tối thiểu 05 năm trên website và đảm bảo có thể truy cập dễ dàng.

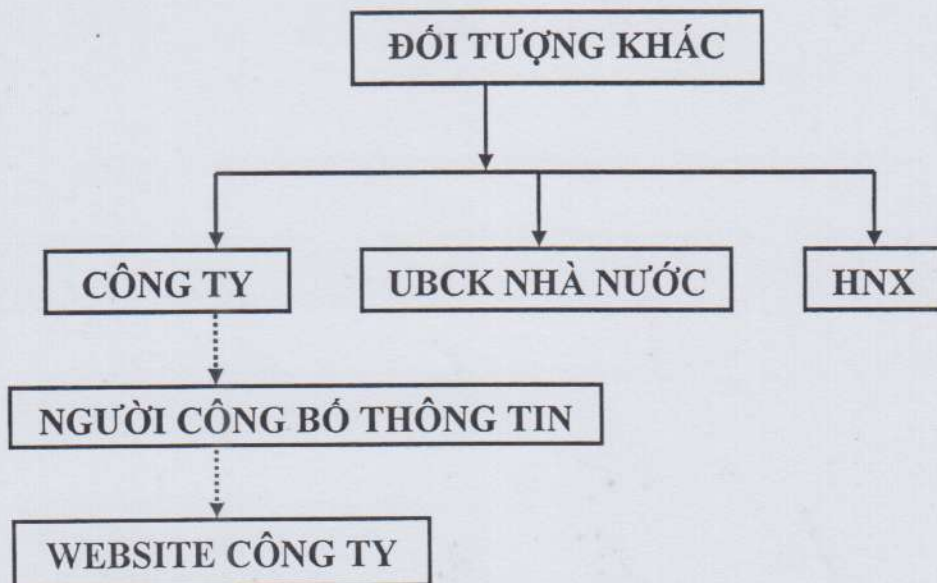
CHƯƠNG 2 – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng đối với các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này.



2. Áp dụng với các đối tượng khác (**)



Ghi chú:

→ Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNN

.....→ Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện ra soát và công bố lên Website Công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:

a. Hội đồng quản trị: Phụ lục 1.1

b. Phòng Kế toán-Thống kê: Phụ lục 1.2

c. Phòng ban liên quan: Phụ lục 1.3

2. Các đối tượng khác thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế CBTT này.

CHƯƠNG 3 - TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp và thực hiện CBTT của các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và các bên liên quan khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người công bố thông tin, trong phạm vi chức năng của mình, tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với các thông tin bất thường hoặc thông tin cung cấp theo yêu cầu cần phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin) phải cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin có trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu có hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này hoặc vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện và quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý:

- Kỷ luật,

- Xử phạt hành chính,

- Truy cứu trách nhiệm hình sự,
 - Và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (nếu có thiệt hại).
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
3. Giám đốc Công ty có quyền đưa ra hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Công ty, thì Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị để xử lý theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: việc xử lý sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc các phòng ban: việc xử lý sẽ do Giám đốc Công ty thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 4 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu thi hành kể từ ngày 12 tháng 07 năm 2021.
2. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định sau khi được Hội đồng quản trị Công ty thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mậu Hào
Nguyễn Mậu Hào

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN
PHỤ LỤC 1.1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Nội dung	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú (Bộ phận hỗ trợ)
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
2	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
7	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
8	Quyết định tham gia góp vốn	Trong thời	Trong thời	Kế toán

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

	thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết	hạn 24 giờ	hạn 12 giờ	trưởng và Người quản trị công ty
9	Quyết định đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
10	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
11	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
12	Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
13	Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
14	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

15	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
16	Trường hợp thành viên HĐQT, BKS có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nhận được đơn xin từ nhiệm.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
17	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
18	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một số tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
19	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
20	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
21	Công ty gửi (bản cứng) cho UBCKNN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có)	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Người quản trị công ty
22	Công ty gửi cho SGDCK bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) kèm theo và danh sách người nội bộ và người có liên quan	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi người nội bộ	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi người nội bộ	Người quản trị công ty
23	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, công ty báo cáo cho SGDCK về	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ	Người quản trị công ty

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

	thay đổi người có liên quan của người nội bộ	ngày thay đổi	ngày thay đổi	
CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
1	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi:			
	1) Xảy ra sự việc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người quản trị công ty
	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người quản trị công ty
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Báo cáo thường niên				
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
Báo cáo tình hình quản trị				
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu	Kế toán trưởng và Người quản trị

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

		năm dương lịch	năm dương lịch	công ty
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
Đại hội đồng cổ đông				
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
2	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy phiếu ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
3	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Người quản trị công ty
4	Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản họp ĐHĐCĐ	Người quản trị công ty
5	Phiếu lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Người quản trị công ty
6	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Người quản trị công ty
Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu				

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có)				
1	Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Người quản trị công ty
Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ đông quỹ				
1	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30/7 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/6)	Chậm nhất 30/7 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/6)	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất 30/01 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/12)	Chậm nhất 30/01 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/12)	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG KẾ TOÁN - THỐNG KÊ

Stt	Nội dung	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú (Bộ phận hỗ trợ)
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Báo cáo tài chính				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 42 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 85 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	Chú ý khi CBTT Báo cáo tài chính phải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:	Công bố thông tin đồng thời	Trong vòng 12 giờ sau khi văn bản	Kế toán trưởng và Người

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

<ul style="list-style-type: none">- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;	với báo cáo tài chính cần giải trình	giải trình được ban hành	quản trị công ty
--	--------------------------------------	--------------------------	------------------

PHỤ LỤC 1.3: PHÒNG BAN LIÊN QUAN

Stt	Nội dung	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú (Bộ phận hỗ trợ)
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn				
1	Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<i>Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư</i>)	Định kỳ 06 tháng kể từ khi kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	Định kỳ 06 tháng kể từ khi kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi lên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi lên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố thông tin tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết	Công bố thông tin tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

		việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty bị ngân hàng phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
3	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
4	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
6	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
7	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

	BCTC			quản trị công ty
8	Kết luận của cơ quan thuế về công ty vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CTĐC hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGDCK) trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông làm thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức đăng ký giao dịch X Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6% do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

Ghi chú: NNB của công ty đại chúng. NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một

đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Lưu ý

- NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của Công ty.